TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **524**/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 27/4/2023
V/v tranh chấp ly hôn, con chung và tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Thẩm phán:

1. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

2. Ông Phan Trịnh Minh Đức.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLPT-HNGĐ ngày 16/01/2023 về tranh chấp ly hôn, con chung và tài sản chung.

Do bản án sơ thẩm số 1640/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận M3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1054/2023/QĐ-PT ngày 03/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3881/2023/QĐ-PT ngày 19/3/2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị H, sinh năm 1991.

Thường trú: 636 Đường A, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: 56112 Z 45, Germany.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H3, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị H3 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc H1, sinh năm 1990.

Thường trú: 636 Đường A, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: 112/39 Đường A1, phường K1, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1985.

Thường trú: 32/28A Đường A2, phường K2, quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thành T, Luật sư của Công ty Luật TNHH X1 – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Huỳnh Chí T1, Luật sư của Công ty Luật hợp danh X2 – Đoàn Luật sư Thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Văn H2, sinh năm 1998.

Địa chỉ: 208 Đường A3, Phường K3, quận M3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Văn phòng Công chứng Y.

Địa chỉ: 44 Đường A4, Phường K4, Quận M4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Ông Trần Quốc H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Tại đơn ly hôn ngày 14/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/7/2020, các bản khai, lời trình bày của bà Ngô Thị H như sau:

Bà H và ông Trần Quốc H1 tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện Đ, tỉnh E và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015 quyển số 02/2014 ngày 10 tháng 7 năm 2015. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác biệt trong tính cách, lối sống. Vợ chồng bà H đã tự hòa giải nhưng không thể giải quyết được nên bà H yêu cầu ly hôn ông Trần Quốc H1.

Về con chung: Có hai con chung tên Trần Anh H4, sinh ngày 22/10/2015 và Trần Thái H5, sinh ngày 02/6/2018. Hai con chung hiện đang ở cùng với bà H và học tập ở Cộng hoà Liên bang Đức với đầy đủ các điều kiện thiết yếu để trẻ đảm bảo được phát triển bình thường và ổn định mặc dù không được sự quan tâm của bố là ông Trần Quốc H1. Bà H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung, bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện bổ sung, bà Ngô Thị H đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng và đề nghị được hưởng 07 phần của khối tài sản chung gồm:

1/ Nhà đất số 361/80/25 Ấp 6, xã K5, huyện M5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa số 704 Tờ bản đồ số 66 có diện tích 205m² xã K5, huyện M5, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC522263 do UBND huyện M5 cấp ngày 15/10/2015, cập nhật biến động chủ sở hữu cho bà Ngô Thị H ngày 27/09/2016.

2/ Nhà đất số 636 Đường A, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa 108 Tờ bản đồ số 2 có diện tích 48,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI997722 do

UBND Quận M cấp ngày 05/02/2018, cập nhật biến động chủ sở hữu cho bà Ngô Thị H và ông Trần Quốc H1 ngày 14/08/2018.

3/ Nhà đất số 136 Đường A6, Phường K6, quận M6, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa 60 Tờ bản đồ số 57 có diện tích 29,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT101406, cập nhật biến động chủ sở hữu cho bà Ngô Thị H ngày 11/4/2018.

4/ Biệt thự song lập số SH06-102 Khu đô thị G (V) xã R, huyện G, thành phố Hà Nội có diện tích xây dựng 67,1m² theo Hợp đồng mua bán nhà ở số SH06-102/VHOCP/HĐMBNO ngày 27/12/2018 giữa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị G và ông Trần Quốc H1.

5/ Nhà số P6-SH.12A Tầng 1 và tầng trệt thuộc Chung cư G1 tại Phường K3, quận M3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số P6-SH.12A/VCP/HĐMBCH ngày 20/12/2016 và Hợp đồng mua bán nhà dịch vụ số P6-SH.12A/VCP/HĐMBNDV ngày 20/12/2016.

Ngày 30/05/2022, ông Phạm Ngọc Q là đại diện nguyên đơn bà Ngô Thị H có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H tranh chấp với ông Trần Quốc H1 về chia tài sản chung khi ly hôn được nêu tại Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 16/07/2020 do các bên đã cùng thỏa thuận và thực hiện giải quyết xong một số tài sản.

Bị đơn ông Trần Quốc H1 trình bày tại đơn khởi kiện ngày 08/6/2020, ngày 08/7/2020 và các bản khai, hòa giải như sau:

Ông H1 không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị H vì ông H1 còn tình cảm với bà H, giữa ông H1 và bà H trong thời gian chung sống chỉ có những mâu thuẫn nhỏ không làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông H1 trở nên trầm trọng. Đồng thời, ông H1 muốn tiếp tục cuộc sống gia đình vì sợ các con không đủ tình thương của bố và mẹ.

Về con chung: Có hai con chung tên Trần Anh H4, sinh ngày 22/10/2015 và Trần Thái H5, sinh ngày 02/6/2018. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị H, ông H1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông H1 yêu cầu hủy bỏ hợp đồng tặng cho giữa ông Ngô Văn H2 và bà Ngô Thị H để công nhận là tài sản chung của ông H1 bà H đối với:

- Nhà đất số 66 Đường A7, phường K7, Quận M7, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa 31 Tờ bản đồ số 27 có diện tích 63,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số SC01328 ngày 13/07/2018, cập nhật ngày 17/5/2019 cho bà Ngô Thị H.

- Nhà đất số 110 Đường A8, Phường K6, Quận M4, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa số 02 Tờ bản đồ số 27 có diện tích 32,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số SC15110 ngày 24/08/2018, cập nhật ngày 17/5/2019 cho bà Ngô Thị H.

Ông H1 không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung cho bà H hưởng 70% giá trị mà đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 1640/2022/HNGĐ-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân quận M3, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 63, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 21, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Ngô Thị H được ly hôn ông Trần Quốc H1.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Anh H4, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015 và Trần Thái H5, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2018 cho bà Ngô Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thị H không yêu cầu ông Trần Quốc H1 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Ngô Thị H đối với ông Trần Quốc H1 về tài sản chung là: Nhà đất số 361/80/25 Ấp 6, xã K5, huyện M5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa số 704 Tờ bản đồ số 66 có diện tích 205m² xã K5, huyện M5, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC522263 do UBND huyện M5 cấp ngày 15/10/2015, cập nhật biến động chủ sở hữu cho bà Ngô Thị H ngày 27/09/2016; Nhà đất số 636 Đường A, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa 108 Tờ bản đồ số 2 có diện tích 48,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI997722 do UBND Quận M cấp ngày 05/02/2018, cập nhật biến động chủ sở hữu cho bà Ngô Thị H và ông Trần Quốc H1 ngày 14/08/2018; Nhà đất số 136 Đường A6, Phường K6, quận M6, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa 60 Tờ bản đồ số 57 có diện tích 29,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT101406, cập nhật biến động chủ sở hữu cho bà Ngô Thị H ngày 11/4/2018; Biệt thự song lập số SH06-102 Khu đô thị G (V) xã R huyện G, thành phố Hà Nội có diện tích xây dựng 67,1m² theo Hợp đồng mua bán nhà ở số SH06-102/VHOCP/HĐMBNO ngày

27/12/2018 giữa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị G và ông Trần Quốc H1; Nhà số P6-SH.12A Tầng 1 và tầng trệt thuộc Chung cư G1 tại Phường K3, quận M3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số P6-SH.12A/VCP/HĐMBCH ngày 20/12/2016 và Hợp đồng mua bán nhà dịch vụ số P6-SH.12A/VCP/HĐMBNDV ngày 20/12/2016.

3.2. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu của ông Trần Quốc H1 về: Hủy Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 010464 ngày 24 tháng 4 năm 2019 và Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 010465 ngày 24 tháng 4 năm 2019 lập tại Văn phòng Công chứng Y giữa ông Ngô Văn H2 và bà Ngô Thị H; Công nhận cho ông Trần Quốc H1 và bà Ngô Thị H quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với nhà số 66 Đường A7, phường K7, Quận M7, Thành phố Hồ Chí Minh và 110 Đường A8, Phường K6, Quận M4, Thành phố Hồ Chí Minh để chia tài sản chung khi giải quyết ly hôn giữa ông Trần Quốc H1 và bà Ngô Thị H.

3.3. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự khi tuân thủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án dân sự.

Ngày 26/8/2022, bị đơn ông Trần Quốc H1 làm đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và giao 02 con chung tên Trần Anh H4, Trần Thái H5 cho ông H1 nuôi dưỡng.

Ngày 16/3/2023, bị đơn ông Trần Quốc H1 có đơn xin rút lại một phần yêu cầu kháng cáo. Về quan hệ hôn nhân: Ông H1 đồng ý ly hôn với bà H. Về con chung: Ông H1 đề nghị giao 02 con chung tên Trần Anh H4, Trần Thái H5 cho ông H1 nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Ngô Thị H có đơn xin xử vắng mặt và có văn bản đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Trần Quốc H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H1 trình bày:

- Đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên Tòa để làm rõ thêm một số chứng cứ về thu nhập của ông H1, điều kiện nuôi con và nội dung bản án sơ thẩm tại Cộng hòa Liên bang Đức.

- Vì các con có giới tính là nam nên bố sẽ là người nuôi dạy và chăm sóc con sẽ tốt hơn.

- Án sơ thẩm nhận định ông H1 không có kinh tế nuôi con là không chính xác, ông H1 có đủ tài chính để chăm sóc và nuôi con, có đủ điều kiện để cho các con học tại trường quốc tế.

- Bà H có hành vi ngăn cấm ông H1 thăm con, ông H1 bị ép buộc để ký các cam kết với bà H và nội dung cam kết là chỉ để cho con đi du lịch, không phải để đi định cư.

- Bà H không đủ kinh tế để nuôi con và chăm sóc con tại Cộng hòa Liên bang Đức.

Vì các lý do trên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con cho ông H1 nuôi dưỡng, chăm sóc vì bà H có hành vi ngăn cản ông H1 thăm nom con. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị sửa án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H trình bày:

- Không đồng ý với yêu cầu đề nghị hoãn phiên tòa vì luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H1 có đủ thời gian để nghiên cứu hồ sơ, các chứng cứ đã được thu thập đầy đủ, rõ ràng.

- Một mình bà H nuôi con ở nước ngoài mà không có sự trợ giúp từ ông H1. Điều này chứng tỏ bà H có đủ các điều kiện vật chất, mua bảo hiểm cho con, có nơi thường trú ổn định, tất cả mọi sinh hoạt, học tập cũng như các quyền lợi khác cho các con.

Để đảm bảo quyền và lợi ích của các con. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H1, y án sơ thẩm, tiếp tục giao các con chung cho bà H chăm sóc và nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông H1 làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: Bà H và ông H1 chung sống với nhau có 02 con chung tên Trần Anh H4, sinh ngày 22/10/2015 và Trần Thái H5, sinh ngày 02/6/2018. Hiện các trẻ đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập và cư trú ổn định tại Cộng hòa Liên bang Đức. Cả ông H1 và bà H đều có đủ điều kiện vật chất để chăm sóc, nuôi dạy các con. Tuy nhiên, khi giao con cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng đều phải đảm bảo quyền lợi cho trẻ. Các con hiện đang được học tập và sinh hoạt ở môi trường thuận lợi, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, hiện các con còn nhỏ nên được mẹ quan tâm chăm sóc sẽ tốt hơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông H1, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trần Quốc H1 kháng cáo yêu cầu được nuôi 02 con chung. Xét đơn kháng cáo của ông H1 làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Do ông H1 có đơn xin rút lại một phần yêu cầu kháng cáo. Ông H1 đồng ý ly hôn với bà H nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo về việc nuôi con:

Hội đồng xét xử xét thấy đối với các con chung ông Trần Quốc H1 và bà Ngô Thị H đều yêu thương các con và cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi đều phải vì lợi ích của trẻ, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ để tránh cho trẻ không bị ảnh hưởng đến tâm sinh lý sau khi cha mẹ ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày và các chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy ông H1 và bà H đều có đủ điều kiện để đảm bảo được cuộc sống cho các con. Xét, các con do bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian dài và liên tục. Trẻ Trần Anh H4 và Trần Thái H5 hiện có nơi ở ổn định, đã được hòa nhập vào môi trường học tập và cuộc sống cùng với mẹ tại Đức. Các trẻ được nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần và hiện còn nhỏ nên cần được sự quan tâm và chăm sóc trực tiếp từ người mẹ sẽ thuận lợi hơn. Việc ông H1 cho rằng bà H cản trở ông H1 thăm nom con là không có căn cứ. Do đó, thiết nghĩ cần tiếp tục giao trẻ Trần Anh H4 và Trần Thái H5 cho bà Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thị H không yêu cầu ông Trần Quốc H1 cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung.

Từ những nhận định trên, nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quốc H1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đối với yêu cầu của luật sư đề nghị hoãn phiên Tòa. Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu, chứng cứ đã được giao nộp, thu thập đầy đủ, rõ ràng và được làm rõ tại phiên Tòa. Do đó, không có cơ sở để hoãn phiên Tòa theo lời đề nghị của luật sư.

[5] Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1, y án sơ thẩm là có cơ sở.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

[7] Về án phí phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 293; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc H1.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1640/2022/HNGĐ-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân quận M3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Về hôn nhân: Bà Ngô Thị H được ly hôn ông Trần Quốc H1.

2.2. Về con chung:

2.2.1. Giao hai con chung tên Trần Anh H4, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2015 và Trần Thái H5, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2018 cho bà Ngô Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thị H không yêu cầu ông Trần Quốc H1 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Ngô Thị H đối với ông Trần Quốc H1 về tài sản chung là: Nhà đất số 361/80/25 Ấp 6, xã K5, huyện M5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa số 704 Tờ bản đồ số 66 có diện tích 205m² xã K5, huyện M5, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC522263 do UBND huyện M5 cấp ngày 15/10/2015, cập nhật biến động chủ sở hữu cho bà Ngô Thị H ngày 27/09/2016; Nhà đất số 636 Đường A, Phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa 108 Tờ bản đồ số 2 có diện tích 48,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI997722 do UBND Quận M cấp ngày 05/02/2018, cập nhật biến động chủ sở hữu cho bà Ngô Thị H và ông Trần Quốc H1 ngày 14/08/2018; Nhà đất số 136 Đường A6, Phường K6, quận M6, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa 60 Tờ bản đồ số 57 có diện tích 29,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT101406, cập nhật biến động chủ sở hữu cho bà Ngô Thị H ngày 11/4/2018; Biệt thự song lập số SH06-102 Khu đô thị G (V) xã R huyện G, thành phố Hà Nội có diện tích xây dựng 67,1m² theo Hợp đồng mua bán nhà ở số SH06-102/VHOCP/HĐMBNO ngày 27/12/2018 giữa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị G và ông Trần Quốc

H1; Nhà số P6-SH.12A Tầng 1 và tầng trệt thuộc Chung cư G1 tại Phường K3, quận M3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số P6-SH.12A/VCP/HĐMBCH ngày 20/12/2016 và Hợp đồng mua bán nhà dịch vụ số P6-SH.12A/VCP/HĐMBNDV ngày 20/12/2016.

3.2. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu của ông Trần Quốc H1 về: Hủy Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 010464 ngày 24 tháng 4 năm 2019 và Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở số công chứng 010465 ngày 24 tháng 4 năm 2019 lập tại Văn phòng Công chứng Y giữa ông Ngô Văn H2 và bà Ngô Thị H; Công nhận cho ông Trần Quốc H1 và bà Ngô Thị H quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với nhà số 66 Đường A7, phường K7, Quận M7, Thành phố Hồ Chí Minh và 110 Đường A8, Phường K6, Quận M4, Thành phố Hồ Chí Minh để chia tài sản chung khi giải quyết ly hôn giữa ông Trần Quốc H1 và bà Ngô Thị H.

3.3. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự khi tuân thủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) bà Ngô Thị H phải chịu, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0087534 ngày 15/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

4.1. Hoàn trả cho bà Ngô Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51.000.000 đồng (Năm mươi mốt triệu) theo Biên lai thu số 0088012 ngày 16/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Hoàn trả cho ông Trần Quốc H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) theo Biên lai thu số 0029227 ngày 09/06/2020 và 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu) theo Biên lai thu số 0029228 ngày 09/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M7, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) ông Trần Quốc H1 chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) mà ông H1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0013414 ngày 15/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M3, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận M3, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận M3, TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.(Linh/15b)

Lưu Thị Thủy Tiên

